

Số: 966/2020/QĐST-HNGĐ

Quận Y, ngày 17 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Y, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào Điều 212, 213, 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 60, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 804/2020/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 8 năm 2020 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Ông Thái Quốc B, sinh năm 1992;

Hộ khẩu thường trú: xã M, huyện X, tỉnh Bình Thuận,

Tạm trú: 1143/2/11 Tổ 2, Khu phố 1, phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Và bà Đồng Kim N, sinh năm 1993;

Hộ khẩu thường trú: 43C, Ấp 3, Quốc lộ 1A, xã V, thành phố, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: 28/8A, Tổ 8, Khu phố 5, phường H, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật: “V/v Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N chung sống với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2015 (Giấy chứng nhận kết hôn Số 45/2015, quyển số 01/2015 do UBND xã M, huyện X, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/9/2015). Nay ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N có 01 người con chung tên Thái Tuyết D, sinh ngày 27/11/2015. Giao con chung tên Thái Tuyết D cho ông Thái Quốc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà Đồng Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N cùng xác nhận tiền tạm ứng lệ phí ông B nộp. Ông B – bà N thỏa thuận: Ông Thái Quốc B tự nguyện chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N thuận tình ly hôn.

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn Số 45/2015, quyền số 01/2015 do UBND xã M, huyện X, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/9/2015 không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N có 01 (một) người con chung tên Thái Tuyết D, sinh ngày 27/11/2015. Giao con chung tên Thái Tuyết D cho ông Thái Quốc B trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên. Bà Đồng Kim N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung của bà Đồng Kim N cho đến khi ông Thái Quốc B có yêu cầu.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con; không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nghĩa vụ chung về tài sản: Ông Thái Quốc B và bà Đồng Kim N không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Thái Quốc B tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng. Ông Thái Quốc B được khấu trừ toàn bộ vào tiền tạm ứng lệ phí đã nộp, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0105001 ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Thái Quốc B đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án: Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND Quận Y, TPHCM;
- Chi Cục THADS Quận Y, TPHCM;
- UBND xã M, huyện X, tỉnh Bình Thuận;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thanh Sang**